TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **04**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2019
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Tiến
2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Bà Bích Thị Kim Pháp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 552/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/ QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc Q**, sinh năm 1988; Địa chỉ: số 237/1 đường Cô Giang, phường 02, Quận P, Thành phố H.

***2. Bị đơn*:** Ông **Trần Thanh V**, sinh năm 1986; Địa chỉ: xóm 05A, xã Hòa Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà **Nguyễn Thị Ngọc Q** trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh V tự nguyện sống chung năm 2012 và có Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 02, Quận P, Thành Phố H, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 14/2013, quyển số I/2013 ngày 01/02/2013. Ngay từ khi bắt đầu sống chung, trong đời sống hàng ngày ông V có nhiều mới quan hệ lăn nhăn với người đàn bà khác, không lo cho vợ con, bà không đồng ý và có khuyên can nhưng ông V không từ bỏ, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và dẫn đến chấm dứt cuộc sống chung của vợ chồng từ 04 năm nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay

bà nhận thấy cuộc sống giữa bà và ông V không hạnh phúc, hiện bà không còn tình cảm với ông V nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông Trần Thanh V có 01 (một) con chung là Trần Nguyễn Quỳnh V1, sinh ngày: 05/6/2013 (giới tính: Nữ). Hiện nay cháu V1 đang sống chung với bà, bà xin nhận nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Về phía bị đơn ông Trần Thanh V: Tòa án có tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ cho mẹ ruột của ông Trần Thanh V là bà Lê Thị Thanh L và bà L có cam đoan sẽ giao toàn bộ các loại thủ tục tố tụng của Tòa án cho ông Trần Thanh V nhưng ông Trần Thanh V không đến Tòa án làm việc nên Tòa không ghi được lời khai của ông V.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Q.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Trần Thanh V.

Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Quỳnh V1, sinh ngày 05/6/2013 (giới tính: Nữ) cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về án phí: Bà Q phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thanh V có nơi cư trú tại xóm 5A, xã Hòa Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản, thủ tục tố tụng hợp lệ cho người thân thích với ông Trần Thanh V nhưng tại phiên tòa hôm nay ông V vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông V theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Q và ông Trần Thanh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 14/2013, quyển số I/2013 ngày 08/4/2013 tại phường 02, Quận P, Thành Phố H; Vì vậy áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Q và ông V thực sự đã mâu thuẫn trong thời gian dài, nguyên nhân là do vợ chồng không thông tôn trọng, nhường nhịn nhau, ông V có nhiều mối quan hệ phức tạp ngoài xã hội, bà Q không khuyên can được và bà không chịu đựng được tính cách của ông V, sự việc cứ tiếp diễn mãi, không tự giải quyết được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Xét thấy, từ năm 2015 đến nay bà Q và ông V đã không còn sống chung, ly thân nhau trong 01 thời gian dài, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, bà Q cương quyết ly hôn không trở về đoàn tụ gia đình, chứng tỏ tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q đối với ông V.

Về con chung: Tại phiên tòa bà Q xin tiếp tục nhận nuôi dưỡng, giáo dục cháu V1 đến khi trưởng thành, bà Q không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà Q là người tiếp tục nuôi con từ khi bà và ông V ly thân nhau, từ ngày ông V bỏ đi ông không một lời hỏi thăm con, bỏ mặc không quan tâm gì đến mẹ con bà Q, chứng tỏ ông V không có trách nhiệm đối với con cái. Tại Tòa bà Q cam đoan sẽ đảm bảo lo cho con có một cuộc sống lành mạnh, tạo đủ điều kiện chăm sóc cho con đủ mọi mặt cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, nghĩ nên tiếp tục giao cho bà Q nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Q đối với ông Trần Thanh V. Bà Q được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Quỳnh V1, sinh ngày 05/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Q không yêu cầu ông Trần Thanh V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Bà Q không được ngăn cản ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019691 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Q đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Q là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2019), đối với ông Trần Thanh V vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND phường 02, Quận P;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lấy